

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Phan Thanh T1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phan Thanh T1 thành hôn vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 03/3/2022. Vợ chồng

chung sống được hơn 01 năm, lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T1 thường xuyên đi nhậu với bạn bè, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, từ đó vợ chồng không còn tình nghĩa, cuộc sống không hạnh phúc nên chúng tôi đã ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh T1.

- Về con chung: Tôi và anh T1 có 01 con chung tên Phan Phước T2, sinh ngày 15/11/2021. Hiện do tôi đang nuôi dưỡng, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Phan Thanh T1:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T1 nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh T1; về con chung: Giao con chung tên Phan Phước T2 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với Phan Thanh T1; anh T1 có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Thanh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Phan Thanh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/3/2022 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị T cho rằng trong đời sống vợ chồng, anh T1 thường xuyên đi nhậu với bạn bè, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Xét, tại biên bản xác minh ngày 13/11/2023 đối với bà Phan Thị Kiều P là mẹ ruột của anh T1, bà P cho biết: Việc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với T1 thì tôi không nghe T và T1 nói. Trong đời sống vợ chồng giữa T và T1 là có mâu thuẫn nhưng T và T1 không có nói lại cho tôi biết. Khoảng cuối tháng 4/2023 thì T dọn đồ về nhà cha mẹ ruột ở, khi đi T không nói cho tôi biết. Giữa T và T1 có 01 con chung tên Phan Phước T2, hiện đang ở cùng T.

Xét thấy, trong đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 là có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị Trần Thị Thanh T, giấy khai sinh của Phan Phước T2 và lời trình bày của bà Phan Thị Kiều P có cơ sở xác định chị Trần Thị Thanh T và anh Phan Thanh T1 có 01 con chung tên Phan Phước T2, sinh ngày 15/11/2021, giới tính: Nam.

Xét thấy, cháu Phan Phước T2 sinh ngày 15/11/2021 là dưới 36 tháng tuổi và hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Thanh T1.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thanh T và anh Phan Thanh T1 có 01 con chung tên Phan Phước T2, sinh ngày 15/11/2021, giới tính: Nam. Giao con chung Phan Phước T2 cho chị Trần Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004374 ngày 02/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Trần Thị Thanh T đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 20, ngày 03/3/2022)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN